TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 93/2019/DS- PT
Ngày: 30- 12- 2019
"V/v yêu cầu bồi thường thiệt hại theo HĐ tặng cho TS"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Long;
Bà Lê Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 85/TLPT- DS ngày 05/12/2019 về " Yêu cầu bồi thường thiệt hại theo HĐ tặng cho TS";

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS- ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Z bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2019/QĐ- PT ngày 16/12/2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962, có mặt;

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn kháng cáo: Bà Lê Thị L, sinh năm 1940, có mặt;

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1961, có mặt;

Đại chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2019 và bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T là cháu gọi bà Lê Thị L là dì ruột. Ngày 12 tháng 02 năm 2011, bà L viết di chúc với nội dung tặng cho ông Nguyễn Văn T được toàn quyền sử dụng diện tích đất ở đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa và ngôi nhà ngói 05 gian kể từ ngày 12/02/2011 dương

lịch. Ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm phụng dưỡng bà Lê Thị L những ngày cuối đời, ông T có toàn quyền sữa chữa nâng cấp ngôi nhà, được sử dụng để thờ cúng tổ tiên và ở mà không được bán; Tháng 9 năm 2011, sau khi thống nhất với bà L, vợ chồng ông T vay tiền đổ đất lấp ao, nâng vườn, mua nguyên vật liệu thuê thợ về sửa nhà. Khi làm bà L nhất chí, hai bên đều vui vẻ, có thợ sửa chữa nhà chứng kiến, hàng xóm láng giềng xung quanh đều biết. Việc sữa chữa nâng cấp nhà, lấp ao, nâng vườn đến cuối năm 2011 là xong. Đến năm 2014, bà L lại hủy di chúc không cho ông T nhà và đất nữa. Nay bà L hủy di chúc ông T cũng đồng ý, nhưng các chi phí sửa chữa nâng cấp nhà, công trình yêu cầu bà L phải trả cho vợ chồng ông T gồm: Tiền đổ đất vào vườn 12.120.000đ, tiền dỡ nhà và phá tường 1.020.000đ, tiền mua gạch 3.410.000đ, tiền mua xi măng 06 tấn là 6.500.000đ, tiền mua gạch lát nhà và sân 700 viên là 3.110.000đ, tiền cát đỗ nền và xây 09 xe là 5.400.000đ, tiền công ghép cửa 05 công là 850.000đ, tiền công quét vôi ve 06 công là 1.040.000đ, tiền mua luồng 25 cây là 750.000đ, tiền mua bạt trần nhà 1.140.000đ, tiền công đào đất bốc lên xe 75 công thành tiền 12.750.000đ, công thợ xây 108 công x 170.000đ/công là 18.360.000đ, tiền công kéo cát vào từ đê đổ vào nền nhà và sân 1.700.000đ, tiền mua Blu xi măng 10 tấm là 600.000đ; Tổng cộng: 68.750.000đ (Sáu mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, ông T chỉ yêu cầu bà L phải trả 41.000.000 (Bốn mươi mốt triệu) đồng là các chi phí sữa chữa nâng cấp, tôn tạo nhà, đất.

Tại đơn trình bày ngày 20/8/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Lê Thị L có ý kiến, yêu cầu phản tố như sau:

Ngày 12/02/2011, bà L có lập di chúc tặng cho ông T, bàn giao cho ông T ngôi nhà ngói 05 gian, nhưng ông T có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng bà L, ông T có toàn quyền sử dụng nhà, đất, không được bán. Do sáng ngày 07/5/2014, ông T và vợ phá cửa đuổi bà L ra khỏi nhà, nên bà L hủy di chúc không cho ông T nhà và quyền sử dụng đất nữa. Năm 2012 ông T dỡ nhà lúc đầu bà L không đồng ý, sau đó ông T xin bà L mới đồng ý cho sửa chữa. Trong quá trình sửa chữa nhà, ông T lấy các vật liệu và tài sản gồm 03 chếnh lim cũ trị giá 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); ván lim trị giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); 03 chuồng cửa 12 cánh bằng gỗ dỗi trị giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); 01 Thùng tôn 04 thớt trị giá 800.000đ(Tám trăm nghìn đồng); phá bỏ Giếng khoan trị giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng); đổ đất dẫn đến vườn chuối bị hư hỏng mất thu nhập trong 07 năm trị giá 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng); phá 03 bậc hè trị giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Tổng cộng 106.800.000 đồng (Một trăm linh sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Bà L chấp nhận trừ cho ông T tiền công sửa chữa nhà 5.000.000 đồng. Ngoài ra, tại phiên tòa bà L còn yêu cầu ông T trả tiền vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), khi vay không có giấy tờ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Q (Vợ ông Nguyễn Văn T) tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thống nhất như ông T trình bày, chỉ yêu cầu bà L phải trả tiền công sửa chữa nâng cấp

nhà và tiền san lấp ao vườn 41.000.000đ (Bốn mươi mốt triệu đồng) vì là cô cháu không tính thiệt hơn.

Việc bà L phản tố yêu cầu trả tiền lấy gỗ và làm hư hoa màu, ông T và bà Q khẳng định không đúng sự thật. Vì khi vợ chồng ông T tháo dỡ sửa chữa nhà năm 2011 hai bên rất hòa thuận, ván gỗ có một số còn hư mọt phải thuê thợ, mua gỗ về lắp ghép thêm, không có ván lành ván đẹp như bà L khai; 03 đoạn dầm lim không ghép được cửa bà L bán cho ông B, bà L là người cầm tiền; 01 Giếng khoan đã cũ bà L đồng ý dẹp bỏ nên mới phá để xây công trình bếp cho gọn; thùng tôn hư hỏng không dùng được. Ông T và bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L.

Các nhân chứng: Ông Lê Văn K, ông Lê Văn Đ là người cùng thôn với các đương sự thừa nhận khoảng tháng 9 năm 2011 ông Đồng là người đứng ra thi công sửa chữa, nâng cấp nhà bà L, do ông T và bà Q thuê và trả công thợ, khi sửa chữa các bên đều vui vẻ không có tranh chấp gì. Ông Đ là người trực tiếp thi công với số tiền công nhận của ông T trả là 21.250.000đ (Hai mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tiền vật liệu ông T mua. Ông Đ khẳng định ông T và bà Q không lấy gỗ từ căn nhà sửa chữa của bà L. Ông Lê Văn K khẳng định chở đất đổ vườn và ao nhà bà L với khối lượng khoảng 320m^3, ông T và bà Q là người trả tiền 12.120.000đ (Mười hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Ông Lê Văn H và ông Lê Thanh B khẳng định khoảng tháng 9 năm 2011, ông T đang sữa chữa nhà cho bà L, ông H có hỏi mua 03 dầm Lim dài khoảng 04m, bà L đồng ý bán với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng), ông H gọi ông B sang lấy gỗ và đưa tiền cho bà L. Tại phiên tòa, ông B và ông H khẳng định đưa tiền cho bà L, không đưa tiền cho ông T.

Tại bản án số 14/2019/DS- ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã xử: Áp dụng khoản 2 và 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 116, 257, 274, khoản 2 Điều 275, Điều 276, Điều 280, khoản 4 Điều 422, Điều 427, Điều 428 , điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015.

Điều 6, Điều 9, Điểm đ Điều 12, Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Q đã được thay đổi tại phiên tòa, buộc bà Lê Thị L phải trả chi phí sữa chữa nâng cấp nhà ở tôn tạo đất đai và các công trình trên đất trị giá 41.000.000đ(Bốn mươi mốt triệu đồng) cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Q.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả 106.800.000đ (Một trăm linh sáu triệu tám trăm nghìn đồng) tiền bán vật liệu khi dỡ nhà, làm hư hỏng tài sản và hoa lợi phát sinh khác.

Về Lệ phí thẩm định và định giá: Bà Lê Thị L phải chịu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền lệ phí thẩm định và định giá tài sản. Ông Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng trước số tiền này, nên bà Lê Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T và bà Lê Thị Q tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông T, bà Q có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải trả tổng cộng là 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 11- 11- 2019, bà Lê Thị L có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị xem xét lại án sơ thẩm, không đồng ý bồi thường chi phí cải tạo nâng cấp nhà, đất cho ông Nguyễn Văn T, yêu cầu ông T bồi thường cho bà L tiền đã lấy các vật liệu khi sửa nhà, phá bậc hè, làm hỏng vườn chuối số tiền 106.800.000 đồng; Không đồng ý chịu lệ phí thẩm định, định giá định giá 3.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bà lan giữ nguyên yêu cầu phản tố nhưng không có chứng cứ về việc ông T và bà Q có lỗi đánh đuổi bà lan khỏi nhà, có lỗi trong việc sửa chữa nâng cấp nhà, đất của bà L. Ông Q được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, bà L phải chịu lệ phí thẩm định, định giá tài sản và phải trả cho ông quyết số tiền đã chi phí. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Lê Thị L gửi trong thời hạn qui định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xem xét kết quả giải quyết của án sơ thẩm: Giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T không phân biệt rõ ràng giữa viết di chúc và viết hợp đồng tặng cho tài sản, mặc dù đầu đề của của văn bản ghi là "Bản di chúc", nhưng nội dung lại nói là tặng cho tài sản và đã thực hiện theo nội dung thỏa thuận. Nay các đương sự có tranh chấp, không yêu cầu tính thời hiệu khởi kiện. Theo thỏa thuận, bà Lê Thị L tặng cho ông Nguyễn Văn T nhà, đất, ông T có quyền sử dụng, cải tạo nhà, đất nhưng không được bán, ông T phải nuôi dưỡng và thờ cúng bà L sau khi chết. Sau

khi ông T đã sửa chữa cải tạo nhà, đất thì bà L hủy bỏ thỏa thuận tặng cho nhà, đất, ông T cũng đồng ý nhưng yêu cầu bà L bồi thường thiệt hại nên phải áp dụng qui định về Hợp đồng tặng cho tài sản để giải quyết hậu quả của việc hủy hợp đồng. Tòa án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng qui định, bảo đảm quyền lợi chính đáng của các đương sự.

[3]. Xem xét yêu cầu kháng cáo của bà L:

- Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T: Theo nội dung trong "Bản di chúc" bà L đã viết tặng cho ngôi nhà cùng với đất cho: "Cháu Nguyễn Văn T (Con trai cả của chị gái tôi- tức Lê Thị E) toàn quyền sử dụng kể từ ngày 12- 2- 2011" và "Có quyền tôn tạo nâng cấp ngôi nhà theo yêu cầu của cháu". Do đó, ông T sửa chữa cải tạo nhà, đất là theo đúng với thỏa thuận, thực tế bà L cũng đã đồng ý. Bà L nói rằng ông T không thực hiện đúng thỏa thuận, đánh, đuổi bà ra khỏi nhà là không có căn cứ, không có ai phản ánh hoặc báo cáo với chính quyền về sự việc bà L nêu. Trong khi ông T không có lỗi, thì bà L là người có lỗi vì đã đơn phương hủy Hợp đồng tặng cho tài sản. Do đo, ông T yêu cầu bà L bồi thường tiền chi phí sửa chữa cải tạo nhà, đất là chính đáng, đúng qui định.

- Về các khoản chi phí của ông T và bà Q: Số tiền ông T, bà Q chi phí cho việc sửa chữa cải tạo nhà, đất đã được thẩm định và định giá là 68.750.000 đồng, nhưng ông T chỉ yêu cầu bồi thường 41.000.000 đồng, bản án sơ thẩm chấp nhận buộc bà L bồi thường theo mức yêu cầu của ông T là đúng qui định và có lợi cho bà L.

- Về lệ phí thẩm định, định giá tài sản: Ông T và bà Q được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu lệ phí, bà L phải chịu lệ phí thẩm định, định giá tài sản, phải trả cho ông T số tiền lệ phí chi phí thẩm định, định giá tài sản 3.000.000 đồng là phù hợp.

- Đối với yêu cầu phản tố của bà L: Bà L yêu cầu ông T bồi thường các vật liệu đã lấy khi sửa nhà là chếnh gỗ lim, ván gỗ lim, cửa gỗ dỗi, thùng tôn, bậc hè bị phá, vườn chuối bị hỏng là không chính đáng và không có căn cứ. Vì ông T không có lỗi đánh đuổi bà L, đã được bà L đồng ý sửa chữa nâng cấp nhà, đất, có nhân chứng khẳng định đã mua chếnh gỗ lim do bà L bán.

- Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà L yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm về buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường cho bà tiền đã lấy các vật liệu khi sửa nhà, phá bậc hè, làm hỏng vườn chuối số tiền 106.800.000 đồng; Không phải chịu lệ phí thẩm định, định giá tài sản 3.000.000 đồng.

[5]. Các nội dung quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[6]. Bà L là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS- ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Z về buộc bà L bồi thường cho ông T; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L; buộc bà L phải chịu lệ phí;

Áp dụng khoản 2 và 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 116, 257, 274, khoản 2 Điều 275, Điều 276, Điều 280, khoản 4 Điều 422, Điều 427, Điều 428 **,** điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015.

Điều 6, Điều 9, Điểm đ Điều 12, Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được thay đổi tại phiên tòa, buộc bà Lê Thị L phải trả chi phí sữa chữa nâng cấp nhà ở tôn tạo đất đai và các công trình trên đất trị giá 41.000.000 (Bốn mươi mốt triệu) đồng cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Q.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả 106.800.000 (Một trăm linh sáu triệu tám trăm nghìn) đồng tiền bán vật liệu khi dỡ nhà, làm hư hỏng tài sản và vườn cây.

Về Lệ phí thẩm định, định giá: Bà Lê Thị L phải chịu tiền lệ phí thẩm định, định giá tài sản và trả cho ông Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng chi phí 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án có đơn yêu cầu, mà người phải thi hành án không thi hành đầy đủ thì phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Miễn phần án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị L.

Các nội dung quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Z;
- VKSND huyện Z;
- Chi cục THADS huyện Z;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quốc Văn

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 12 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Long;

Bà Lê Thị Thủy.

Vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 85/TLPT- DS ngày 05/12/2019 về "*V/v yêu cầu bồi thường thiệt hại theo HĐ tặng cho TS"*, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962, có mặt;

Địa chỉ: Thôn Z, xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn kháng cáo: Bà Lê Thị L, sinh năm 1940, có mặt;

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1961, có mặt;

Đại chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về áp dụng luật:

Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 và 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 116, 257, 274, khoản 2 Điều 275, Điều 276, Điều 280, khoản 4 Điều 422, Điều 427, Điều 428 **,** điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Về xét yêu cầu kháng cáo: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS- ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Z về buộc bà L bồi thường cho ông T; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L; buộc bà L phải chịu lệ phí;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được thay đổi tại phiên tòa, buộc bà Lê Thị L phải trả chi phí sữa chữa nâng cấp nhà ở tôn tạo đất đai và các công trình trên đất trị giá 41.000.000 (Bốn mươi mốt triệu) đồng cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Q.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả 106.800.000 (Một trăm linh sáu triệu tám trăm nghìn) đồng tiền bán vật liệu khi dỡ nhà, làm hư hỏng tài sản và vườn cây.

Về Lệ phí thẩm định, định giá: Bà Lê Thị L phải chịu tiền lệ phí thẩm định, định giá tài sản và trả cho ông Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng chi phí 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Về án phí: Miễn phần án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị L.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 12 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các thẩm phán		Thẩm phán – Chủ tọa phiên
Phạm Văn Long	**Lê Thị Thủy**	**Trương Quốc Văn**